

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 456/2023/DS-PT
Ngày: 15- 9 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Xuân Phách

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án dân sự thụ lý số 208/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10260/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1980; Trú tại: L2, xã L2, huyện L1, tỉnh L (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Trần Văn K, sinh năm 1962; Trú tại: Tổ 2, phường B1, thành phố b, tỉnh B.Theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày 17/8/2021 (Có mặt).

Anh Đinh Văn V, sinh năm 1999; Trú tại: L2, xã L2, huyện L1, tỉnh L. Theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày 17/8/2021 (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Doãn T, sinh năm 1952; Trú tại: Tiểu khu L3, thị trấn Nông trường L4, huyện l4, tỉnh L (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quang I và Phạm Ngọc T1, luật sư Văn phòng luật sư X thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Hợp tác xã nông nghiệp được liệu X1.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Quỳnh A, chức vụ: Giám đốc Công ty (có mặt).

- Ông Vì Văn T2, sinh năm 1983; Trú tại: L5, xã L6, huyện L1, tỉnh L (Có mặt).

- Bà Phạm Thị Kim D, trú tại: Tiểu khu 14, thị trấn Nông trường L4, huyện L4, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Văn K, anh Đinh Văn V trình bày:

Năm 2019, ông Lê Doãn T là giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp được liệu X1 có mời chị H góp vốn vào Hợp tác xã (sau đây viết tắt là HTX) để phát triển khu du lịch X2-X3 nhưng chị H không đồng ý. Ngày 30/6/2019, chị H trực tiếp đưa cho ông Lê Doãn T vay số tiền là 2.100.000.000 đồng có anh Lê Anh T3 là kế toán HTX làm chứng. Số tiền này chị H cho ông T vay với tư cách cá nhân, ông T đã dùng số tiền của chị H cho vay để mua đất làm khu du lịch và hứa với chị H sau ba đến bốn tháng sẽ thanh toán cả tiền gốc và lãi suất cho chị H. Khi đưa tiền, hai bên không làm giấy biên nhận, hai bên có thỏa thuận lãi suất là 12%/năm. Chị khẳng định cho ông T vay tiền mặt cá nhân của chị, chị không góp vốn làm ăn với ông T và cũng không góp vốn vào HTX nông nghiệp được liệu X1. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của ông T chị hoàn toàn không biết. Sau nhiều lần đòi lại số tiền và yêu cầu ông T viết giấy biên nhận nợ nhưng ông T không viết, ông T viết cho chị H 01 sổ góp vốn vào HTX nông nghiệp được liệu X1, chị không phải là thành viên HTX nông nghiệp được liệu X1. Chị Đỗ Thị H khởi kiện yêu cầu ông Lê Doãn T trả lại số tiền đã vay là 2.100.000.000đ và số tiền lãi trả theo lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng.

Bị đơn ông Lê Doãn T trình bày:

Ông T và chị Đỗ Thị H có quan hệ làm ăn kinh tế tại nhà hàng X1 từ năm 2011. Vào năm 2019, ông Lê Doãn T - Giám đốc HTX nông nghiệp được liệu X1, bà Phạm Thị Kim D, ông Vì Văn T2, chị Đỗ Thị H cùng nhau bàn bạc đầu tư xây dựng khu du lịch X2. Theo thỏa thuận miệng mỗi người đóng góp kinh phí theo khả năng tài chính tự có. Chị H đã đóng góp 1.500.000.000 đồng, đến tháng 6/2019 chị H nói do lần đầu mua được đất rẻ nên yêu cầu tính tăng lên cho chị H 600.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền chị H góp vào HTX là 2.100.000.000 đồng, HTX đã làm sổ góp vốn cho chị H. Việc chị H cho rằng ông T vay tiền với tư cách cá nhân là không đúng.

Số tiền nhận từ chị H được ông sử dụng để đầu tư xây dựng khu du lịch X2 như thỏa thuận của các bên. Còn việc ông T là người ký vào sổ 01 sổ góp vốn vào HTX nông nghiệp được liệu X1 đăng ký vốn góp cho chị H là do cá nhân ông lấy danh nghĩa HTX trực tiếp ký với tư cách cá nhân không thông qua thành viên Hợp tác xã và Hội đồng quản trị, số tiền 2.100.000.000 đồng không được nhập vào HTX để hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến cuối năm 2020 ông T đã đầu tư hơn 13 tỷ vào khu du lịch X2, hiện tại khu du lịch X2 đang xây dựng dở dang nên khó khăn không có tiền. Mặt khác đất do ông làm khu du lịch mua phải khu đất Lâm nghiệp cho đến nay chưa được cấp phép quy hoạch khu du lịch X2. Bản chất đây là công việc góp vốn của 4 người chứ không phải là của Hợp tác xã. Việc ghi nhận vào sổ góp vốn là sai lầm cá nhân, đây là trách nhiệm cá nhân. Do đất là cùng góp vốn nên chia theo tỷ lệ trách nhiệm có thể cao hơn 2,1 tỷ hoặc ít hơn. Nay chị Đỗ Thị H yêu cầu ông phải trả 2.100.000.000 đồng và tiền lãi ông T không nhất trí. Ông T nhất trí trả lại cho chị H số tiền vốn góp nếu chị H để cho ông thời gian, ông T và bà D, ông T2 sẽ về trao đổi thỏa thuận bàn phương án về việc bán đất, bán được sẽ thanh toán cho chị Đỗ Thị H số tiền vốn góp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Vì Văn T2 trình bày: Ông T2 là thành viên Hợp tác xã nông nghiệp được liệu X1, ông có góp vốn vào HTX để xây dựng khu X2 với tổng số tiền 3.023.882.000 đồng. Việc góp vốn được ghi vào sổ kế toán và có quyết toán hàng quý, thông qua cho các thành viên HTX biết. Việc góp vốn gồm có ông T, ông T2, bà D. Ông T huy động vốn góp với tư cách là Giám đốc HTX nông nghiệp được liệu X1. Việc huy động vốn xây dựng khu du lịch X2 đã được Hội đồng thành viên HTX thông qua, đã có hạng mục xây dựng, một số hạng mục đã xây dựng xong tuy nhiên chưa thấy văn bản nào (theo biên bản ghi lời khai của ông T2 ngày 11/6/2021 tại Tòa án nhân dân huyện L1), còn việc góp vốn giữa chị H và ông T được các bên thỏa thuận tại nhà chị H, thỏa thuận bằng miệng, không làm hợp đồng góp vốn, ông T2, chị H và ông T được cùng nhau đi mua đất tại khu du lịch X2, ông T2 là người làm thủ tục giấy chuyển nhượng, trong giấy chuyển nhượng đất có chữ ký của ông T2 và ông T, không có chữ ký của chị H.

Bà Phạm Thị Kim D trình bày theo biên bản ghi lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị ngày 30/3/2023: Bà D có quen biết ông T, không quen biết chị H. Năm 2019 bà D, ông T, ông T2 cùng nhau bàn bạc xây dựng khu du lịch X2. Các bên cùng nhau thỏa thuận góp vốn tùy theo khả năng tài chính của từng người, việc thỏa thuận bằng miệng

không được lập thành văn bản. Bà D đã tự nguyện góp số tiền 2,6 tỷ đồng. Bà D chỉ góp vốn vào HTX để xây dựng khu du lịch X2 chứ không tham gia dự án nào khác của HTX. Ông T huy động vốn của bà với tư cách chủ tịch Hội đồng quản trị HTX nông nghiệp được liệu X1. Việc xây dựng khu du lịch X2 đã được Hội đồng thành viên HTX thông qua thể hiện tại Điều lệ HTX. Đến tháng 1/1/2021, bà đã rút toàn bộ số tiền vốn góp vào khu du lịch X2 không tiếp tục đầu tư theo ông Lê Doãn T. Giao hẹn ông T và ông T2 có trách nhiệm thu xếp, thanh toán lại cho bà D số vốn góp đầu tư là 2.743.282.000 đồng. Việc tranh chấp dân sự giữa chị Đỗ Thị H do ông Lê Doãn T chủ động bàn bạc với chị H và trực tiếp ông T nhận góp vốn giữa chị H, cá nhân bà không liên quan đến việc tranh chấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 37, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147; Điều 228; Điều 266, Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 05 Nghị quyết số: 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về, lãi, lãi xuất. Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị H.

Buộc ông Lê Doãn T phải trả lại cho chị Đỗ Thị H số tiền gốc đã vay là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

Ông Lê Doãn T phải trả chị Đỗ Thị H số tiền lãi xuất chậm trả là 787.500.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi: 2.100.000.000 đồng + 787.500.000 đồng = 2.887.500.000 đồng. (Hai tỷ tám trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, ông Lê Doãn T nộp đơn kháng cáo không nhân trí với bản án sơ thẩm, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về giải quyết vụ án.

Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn sau khi trình bày kháng cáo, ý kiến tranh luận đã đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đồng ý với kháng cáo của bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào diễn biến phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Doãn T, giữ nguyên quyết định của bản án dân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày, tranh luận của các bên đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận để giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Kim D nhưng đây là phiên tòa mở lần 3 nên Tòa án quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn là ông Lê Doãn T:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[2.1] Theo chị H trình bày, ngày 30/6/2019, chị Đỗ Thị H trực tiếp đưa cho ông Lê Doãn T số tiền là 2.100.000.000 đồng, chị H cho ông T vay với tư cách cá nhân. Khi đưa tiền hai bên không làm giấy biên nhận, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 12%/năm. Ông T đã viết cho chị H “Sổ góp vốn đầu tư khu X2 -X3” làm căn cứ xác nhận, ông T đã nhận đủ số tiền 2.100.000.000 đồng của chị H. Mặc dù ông T chỉ thừa nhận có nhận của chị

H 1.500.000.000 đồng nhưng trong Sổ góp vốn đầu tư khu X2, có chữ ký xác nhận của ông Lê Tuấn B kế toán và ông Lê Doãn T với chức danh Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp Dược liệu X1 ký tên, đóng dấu thể hiện số tiền 2.100.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định chị H đưa cho ông T nhận tiền là 2.100.000.000 đồng là có căn cứ mà không phải là 1.500.000.000 đồng như ông T đã khai.

[2.2] Chị Đỗ Thị H không thừa nhận việc ông T khai là ông Lê Doãn T, ông Vi Văn T2, bà Phạm Thị Kim D và chị thỏa thuận góp vốn vào HTX nông nghiệp dược liệu X1 để xây dựng khu X2 – X3. Chị H không biết việc góp vốn giữa ông T, bà D, ông T2, chị H không được bàn bạc thỏa thuận, không được tham gia vào bất kỳ công việc kinh doanh của HTX cũng như cùng góp vốn vào khu du lịch X2. Chị H không được trực tiếp góp vốn để hợp tác kinh doanh giữa 04 cá nhân. Hiện nay khu X2 – X3 do ông Lê Doãn T là đại diện vẫn đang trong quá trình xây dựng nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và hiện nay khu du lịch X2 chưa được cấp quyết định chủ trương đầu tư. Theo công văn số 3937/UBND – TCKH ngày 09/12/2022 của UBND huyện L4, tỉnh L. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu ông Lê Doãn T, bà Phạm Thị Kim D, ông Vi Văn T2 cung cấp toàn bộ tài liệu chứng cứ, yêu cầu ông Lê Doãn T đại diện theo pháp luật của HTX cung cấp toàn bộ hồ sơ tài liệu và xây dựng và kế toán có liên quan đến hoạt động, thu chi trong các công việc xây dựng các hạng mục tại khu X2 - X3 liên quan đến việc góp vốn của chị Đỗ Thị H vào khu X2 nhưng ông Lê Doãn T, ông Vi Văn T2 và bà Phạm Thị Kim D không cung cấp được và không cung cấp được tài liệu, chứng từ liên quan đến số tiền 2.100.000.000 đồng do ông T nhận của chị Đỗ Thị H góp vốn hợp tác kinh doanh và toàn bộ chi phí có sự liên quan đến sự góp vốn để đầu tư vào khu X2 - X3

[2.3] Theo lời trình của ông T, việc góp vốn để hợp tác xây dựng khu X2 - X3 giữa ông T và chị H, ông T2, bà D chỉ là thỏa thuận miệng, hoàn toàn không có văn bản hay tài liệu nào thể hiện giữa các bên có thỏa thuận hợp tác xây dựng khu X2. Việc góp vốn của chị H, cũng như của các thành viên khác chỉ được thể hiện tại Sổ góp vốn đầu tư khu X2, có chữ ký xác nhận của ông Lê Tuấn B kế toán và ông Lê Doãn T với chức danh Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp Dược liệu X1 ký tên, đóng dấu. Tuy nhiên, ông Lê Doãn T thừa nhận là việc huy động vốn và lập các sổ góp vốn là do cá nhân ông T lấy danh nghĩa Giám đốc HTX tự xác nhận không thông qua Đại hội thành viên của Hợp tác xã Nông nghiệp- Dược liệu X1, việc lập sổ góp vốn chỉ nhằm ghi nhận số vốn huy động của mỗi người. Do vậy căn cứ vào Sổ

góp vốn của chị H để xác định chị H góp vốn để cùng ông T, ông T2, bà D xây dựng khu du lịch X2 là chưa có cơ sở.

[2.4] Ông Lê Doãn T cho rằng việc sau khi huy động được vốn ông đã cùng ông Vi Văn T2 và chị Đỗ Thị H đã mua đất tại khu vực X2 nhưng ông T không cung cấp được các hợp đồng mua bán đất có chữ ký của những người tham gia, trong đó có chị H mà chỉ cung cấp được giấy xác nhận viết tay của ông Hoàng Văn Tuấn và bà Hoàng Thị C ngày 18/7.2021 là đã bán đất cho ông T, ông T2, chị H, trong các giấy này chỉ có chữ ký của ông T2 với người bán, không có chữ ký của ông T và chị H. Do vậy là chưa có cơ sở để xác định là chị H có tham gia việc mua bán đất của bà C và ông T3.

[2.5] Theo bị đơn ông Lê Doãn T trình bày, tính đến năm 2020 tổng số tiền đã đầu tư vào khu vực X2 là 13 tỷ đồng, hiện khu du lịch đang xây dựng dang dở trong đó có số tiền 2.100.000.000 đồng của chị H góp vốn. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ và tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ để xác định hiện trạng và tình trạng pháp lý của khu du lịch X2, đồng thời tiến hành định giá tài sản tại khu X2 - X3 nhưng các đương sự chỉ cung cấp được các bảng liệt kê chi phí trong quá trình đầu tư, không có các chứng từ để chứng minh cho các mục kê đó và ông T không nhất trí xem xét thẩm định tại chỗ. Mặt khác trong các biểu tổng hợp chi phí khu X2 ở các giai đoạn đều không có sự tham gia của chị Đỗ Thị H. Ngoài lời trình bày của ông T ra, ông T không cung cấp được chứng nào khác về việc chị Đỗ Thị H góp vốn hợp tác làm ăn chung. Do vậy là chưa có cơ sở để xác định chị Đỗ Thị H đã tham gia vào việc góp vốn và cùng tham gia, hợp tác xây dựng khu X2 - X3

[2.6] Tuy Sổ góp vốn đầu tư khu X2 - X3 có chữ ký xác nhận của kế toán HTX là ông Lê Anh T3 và chữ ký của ông Lê Doãn T - Giám đốc HTX, có đóng dấu xác nhận của HTX, số vốn góp là 2,1 tỉ đồng, thời gian góp vốn là ngày 30/6/2019 nhưng chị H không thừa nhận việc góp vốn để thực hiện dự án; việc sử dụng số tiền 2.100.000.000 đồng ông T nhận của chị H không được thể hiện trong sổ sách kế toán của Hợp tác xã, dự án không được lập và phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền, không có căn cứ xác định việc góp vốn của chị Đỗ Thị H góp vốn vào HTX nông nghiệp được liệu X1 để đầu tư xây dựng khu X2 - X3, Mộc Châu theo ý kiến của ông Lê Doãn T cũng như góp vốn để ông T thực hiện dự án mà có căn cứ xác định chị Đỗ Thị H cho cá nhân Lê Doãn T vay số tiền 2.100.000.000 đồng nên chị H khởi kiện yêu cầu ông Lê Doãn T trả cho chị H số tiền trên được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.7] Đối yêu cầu tính lãi trên số tiền 2.100.000.000 đồng của chị Đỗ Thị H: Theo chị Đỗ Thị H khai khi giao tiền với ông Lê Doãn T hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 12%/năm, ông T không đồng ý. Như vậy, các bên có tranh chấp về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 05 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất đã áp dụng mức lãi suất 10%/năm và tính số tiền lãi phải trả từ 30/6/2019 đến 31/3/2023 là 2.100.000.000 đồng x 10%/ năm/ 12 tháng x 45 tháng = 787.500.000 đồng là có căn cứ.

[2.8] Từ những phân tích nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H, buộc ông Lê Doãn T phải trả lại số tiền đã vay của chị Đỗ Thị H và trả lãi theo lãi suất căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đủ căn cứ giải quyết vụ án, không có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại cấp phúc thẩm, bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Doãn T và giữ nguyên các quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí: Tuy kháng cáo của ông Lê Doãn T không được chấp nhận nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm dân sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBNTHQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Doãn T, giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

2. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Doãn T.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HS, HCTP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Quang Dũng

